

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2023

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Quang Tuấn

2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên .

Ngày 24 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 về việc: “ Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2023 và Quyết định Hoàn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị S; Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Văn L; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Quách Thị S1 và anh Bùi Văn L (Chị S1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị S1 trình bày:

Chị và anh Bùi Văn L đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa theo bản án số 98/2022/HNGĐ – ST ngày 25/10/2022. Tại thời điểm ly hôn chị và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, đến nay anh, chị vẫn không tự thống nhất thỏa thuận với nhau được do đó chị yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị và anh L sau khi ly hôn cụ thể như sau:

Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh L có tạo dựng được các tài sản gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 1534 m² tại thôn M, xã T và các công trình trên đất; 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát; 01 chiếc giường đôi; 01 Kệ tivi bằng gỗ; 01 Tủ quần áo bằng gỗ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 Chiếc tủ bát làm bằng nhôm kính; 04 cây lát khoảng 20 năm tuổi; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 Máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T. Chị S1 yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị tài sản. Về hiện vật chị đề nghị được nhận ½ diện tích đất phần không có nhà ở giáp phía gia đình ông Quách Văn K . Giao cho anh L phần diện tích đất có nhà ở và toàn bộ hiện vật, anh L có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho chị S1 theo quy định của pháp luật

Về công nợ chung: Chị S1 và anh L có vay của ngân hàng N chi nhánh huyện T số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng). Đến nay chị yêu cầu mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số tiền trên cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án chị S1 có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể:

- Đối với số tiền nợ là 50.000.000 đồng vay của ngân hàng N chi nhánh huyện T thì anh L đã trả toàn bộ số tiền trên do đó chị đề nghị sẽ trả lại cho anh L số tiền là 25.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu về chia các tài sản gồm cây cối, Xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS 36 E1 – 278.13; Bộ bàn ghế bằng gỗ lát, 01 Chiếc giường đôi; 01 Kệ tivi bằng gỗ; 01 Tủ quần áo bằng gỗ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 Chiếc tủ bát làm bằng nhôm kính; 04 cây lát khoảng 20 năm tuổi; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 Máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T. Đến nay chị thay đổi nội dung này đề nghị Tòa án đòi tài sản bằng hiện vật và giá trị cho chị và anh L. Những yêu cầu khác trong đơn khởi kiện chị giữ nguyên yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tòa án cũng đã triệu tập anh L để trình bày ý kiến, tuy nhiên anh L đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến của anh L trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Chị Quách Thị S1 là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản chung của chị S1 và anh L

Ngày 12/05/2023 Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể như sau:

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp GCN QSDĐ ngày 02/12/2006. Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1534 m², diện tích theo mốc giới xác định chị S1, anh L đang sử dụng thực tế là 1446,6 m². Tại buổi thẩm định anh L, chị S1 và đại diện chính quyền địa phương xác định các hộ sử dụng đất ổn định theo mốc giới thực tế không có tranh chấp diện tích thửa đất giảm là do quá trình đo đạc xác định vị trí mốc giới giáp ranh chưa chính xác.

- Các tài sản trên đất gồm: 01 Nhà cấp 4 xây tường lợp ngói có diện tích 36,52 m²; Phòng ngủ xây tường mái lợp Bluximang diện tích 30,16 m²; Nhà bếp xây gạch không nung mái lợp Bluximang diện tích 20,4 m²; Chuồng lợn 1 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 84,5 m²; Chuồng lợn 2 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 42,8 m²; Chuồng gà xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 17,15 m²; Nhà tắm xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép diện tích 9,2 m²; Bể nước xây tường 11 thể tích 4,872 m³; 05 cây lát; 02 cây xoan.

- Các tài sản chung khác gồm 01 xe máy Honda SH BKS 36 E1 – 278.13; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Tivi nhãn hiệu Samsung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát; 01 Kệ tivi bằng gỗ; 01 chiếc giường đôi; 01 Tủ quần áo bằng gỗ;

Ngày 12/05/2023 Hội đồng định giá tài sản đã định giá tài sản và kết luận:

- Diện tích đất ở 1446,6 m² trong đó đất ở nông thôn 1000 m² đất trồng cây lâu năm là 446,6 m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07, tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có giá trị là 507.592.200 đồng (1m² đất ở trị giá 500.000 đồng; 1m² đất trồng cây lâu năm trị giá 17.000 đồng).

- 01 Nhà cấp 4 xây tường lợp ngói có diện tích 36,52 m² giá trị 33.902.246 đồng; Phòng ngủ xây tường mái lợp Bluximang diện tích 30,16 m² có giá trị 37.568.502 đồng; Bán bình lợp tôn xộp diện tích 175,27 m² có giá trị 26.395.662 đồng; Bán bình lợp tôn thường diện tích 25,3 m² trị giá 2.694.000 đồng; Nhà bếp xây gạch không nung mái lợp Bluximang diện tích 20,4 m² có giá trị 5.357.000 đồng; Chuồng lợn 1 xây tường gạch

không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 84,5 m² có giá trị 15.041.000 đồng; Chuồng lợn 2 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 42,8 m² có giá trị 12.189.000 đồng; Chuồng gà xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 17,15 m² có giá trị 3.052.700 đồng; Nhà tắm xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép diện tích 9,2 m² có giá trị 7.199.000 đồng; Bể nước xây tường 11 thể tích 4,872 m³ đã hết khấu hao có giá trị 0 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 220 cm có giá trị 30.000.000 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 160 cm có giá trị 6.500.000 đồng; 02 cây Lát chu vi vòng gốc 115 cm có giá trị mỗi cây là 3.500.000 đồng; 01 cây Lát chu vi vòng gốc 145 cm có giá trị 5.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 125 cm có giá trị 3.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 80 cm có giá trị 500.000 đồng.

Các tài sản chung khác gồm 01 xe máy Honda SH BKS 36 E1 – 278.13 giá trị 35.600.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát có giá trị 20.000.000 đồng; 01 chiếc giường đôi bằng gỗ trị giá 2.200.000 đồng; 01 Kệ ti vi bằng gỗ trị giá 5.500.000 đồng; 01 Tủ quần áo bằng gỗ trị giá 6.500.000 đồng;

Các tài sản gồm: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T. Các tài sản này tính đến thời điểm định giá đã hết khấu hao không có cơ sở định giá giá trị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị S1. Chị S1 và anh Bùi Văn L có tài sản chung là 01 thửa đất tại số 49 tờ bản đồ số 07, địa chỉ Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích 1.446,6 m² đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 02/12/2006 mang tên Bùi Văn L, Quách Thị S1, trên đất có nhà cấp 4, nhà bếp, các công trình khác và cây cối, các tài sản đã định giá. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất và

các tài sản khác theo biên bản định giá tài sản ngày 12/05/2023 là 772.791.310 đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn ba trăm mười đồng). Chị S1 đề nghị chia đôi số tài sản trên theo quy định của pháp luật cho mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản. Vì vậy chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị S1, chia đôi số tài sản trên cho chị S1 và anh L mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Bên nào nhận phần tài sản có giá trị cao hơn phải trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bên kia theo quy định.

+ Về án phí : Anh L phải nộp án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị tài sản mà anh L được nhận. Chị S1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quách Thị S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn đối với anh Bùi Văn L. Anh Bùi Văn L cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Toà án đã triệu tập họp lệ anh L lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Chị S1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị S1 và anh L.

[3]. Xét yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Quách Thị S1:

[3.1]. Đối với việc diện tích đất chị S1 và anh L sử dụng trên thực tế giảm so với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp: Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07. Chị S1, anh L và đại diện chính quyền địa phương xác định các hộ sử dụng đất ổn định theo mốc giới thực tế không có tranh chấp diện tích thửa đất giảm là do quá trình đo đạc xác định vị trí mốc giới giáp ranh chưa chính xác. Do đó có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất thửa số 49 tờ bản đồ số 07 tại thôn M, xã T, huyện T có diện tích là 1446,6 m². Quá trình giải quyết vụ án chị S1 xác định quyền sử dụng thửa đất số 49 tờ bản đồ số 07 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh L, chị S1 và các công trình trên đất và các tài sản khác là tài sản chung chị và anh L khi ly hôn chưa chia và yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị, hiện vật tài sản chung của vợ, chồng. Anh L đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến. Do đó xác định đây là yêu cầu hợp pháp nên có đủ cơ sở để xác định chị S1 và anh L có tài sản chung bao gồm:

- Diện tích đất ở 1446,6 m² trong đó đất ở nông thôn 1000 m² đất trồng cây lâu năm là 446,6 m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07, tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có giá trị là 507.592.200 đồng (1m² đất ở trị giá 500.000 đồng; 1m² đất trồng cây lâu năm trị giá 17.000 đồng).

- Các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 Nhà cấp 4 xây tường lợp ngói có diện tích 36,52 m² giá trị 33.902.246 đồng; Phòng ngủ xây tường mái lợp Bluximang diện tích 30,16 m² có giá trị 37.568.502 đồng; Bán bình lợp tôn xộp diện tích 175,27 m² có giá trị 26.395.662 đồng; Bán bình lợp tôn thường diện tích 25,3 m² trị giá 2.694.000 đồng; Nhà bếp xây gạch không nung mái lợp Bluximang diện tích 20,4 m² có giá trị 5.357.000 đồng; Chuồng lợn 1 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 84,5 m² có giá trị 15.041.000 đồng; Chuồng lợn 2 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 42,8 m² có giá trị 12.189.000 đồng; Chuồng gà xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 17,15 m² có giá trị 3.052.700 đồng; Nhà tắm xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép diện tích 9,2 m² có giá trị 7.199.000 đồng; Bể nước xây tường 11 thể tích 4,872 m³ đã hết khấu hao có giá trị 0 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 220 cm có giá trị 30.000.000 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 160 cm có giá trị 6.500.000 đồng; 02 cây Lát chu vi vòng gốc 115 cm có giá trị mỗi cây là 3.500.000 đồng; 01 cây Lát chu vi vòng gốc 145 cm có giá trị 5.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 125 cm có giá trị 3.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 80 cm có giá trị 500.000 đồng.

- Các tài sản chung khác gồm 01 xe máy Honda SH BKS 36 E1 – 278.13 giá trị 35.600.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát có giá trị 20.000.000 đồng; 01 chiếc giường đôi bằng gỗ trị giá 2.200.000 đồng; 01 Kệ ti vi bằng gỗ trị giá 5.500.000 đồng; 01 Tủ quần áo bằng gỗ trị giá 6.500.000 đồng;

- Các tài sản gồm: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T. Các tài sản này tính đến thời điểm định giá đã hết khấu hao không có cơ sở định giá giá trị.

[3.2]. Chị S1 có yêu cầu chia đôi giá trị và yêu cầu được chia bằng hiện vật về tài sản chung của vợ, chồng, về hiện vật chị yêu cầu được chia phần diện tích đất không có công trình nhà ở để chị xây nhà nuôi con và các hiện vật khác. HĐXX xét thấy do hiện nay anh L đang sinh sống ổn định trên đất và nhà ở nên yêu cầu của chị S1 là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của chị S1: Chia cho anh Bùi Văn L diện tích đất 764,9 m² ở phía Đông của thửa đất, giáp với phần đất của hộ ông Bùi Văn T và ông Bùi Văn T1,

trên đất có các tài sản gồm 01 Nhà cấp 4 xây tường lợp ngói có diện tích 36,52 m² giá trị 33.902.246 đồng; Phòng ngủ xây tường mái lợp Bluximang diện tích 30,16 m² có giá trị 37.568.502 đồng; Bán bình lợp tôn xộp diện tích 175,27 m² có giá trị 26.395.662 đồng; Bán bình lợp tôn thường diện tích 25,3 m² giá trị 2.694.000 đồng; Nhà bếp xây gạch không nung mái lợp Bluximang diện tích 20,4 m² có giá trị 5.357.000 đồng; Chuồng lợn 2 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 42,8 m² có giá trị 12.189.000 đồng; Chuồng gà xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 17,15 m² có giá trị 3.052.700 đồng; Nhà tắm xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép diện tích 9,2 m² có giá trị 7.199.000 đồng; Bể nước xây tường 11 thể tích 4,872 m³ đã hết khấu hao có giá trị 0 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 220 cm có giá trị 30.000.000 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 160 cm có giá trị 6.500.000 đồng; 02 cây Lát chu vi vòng gốc 115 cm có giá trị mỗi cây là 3.500.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 125 cm có giá trị 3.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 80 cm có giá trị 500.000 đồng. Giá trị các tài sản trên đất chia cho anh L là 175.358.560 đồng. Chia cho chị S1 diện tích đất phía Tây của thửa đất giáp với hộ ông Quách Văn K có diện tích là 681,7 m² trên đất có 01 cây Lát có chu vi vòng gốc 145 cm giá trị 5.000.000 đồng và 01 Chuồng lợn diện tích 84,5 m² giá trị 15.041.000 đồng. Các tài sản không gắn liền với đất chia cho chị S1 là 01 xe máy Honda SH BKS 36 E1 – 278.13 giá trị 35.600.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát có giá trị 20.000.000 đồng; 01 chiếc giường đôi bằng gỗ giá trị 2.200.000 đồng; 01 Kệ ti vi bằng gỗ giá trị 5.500.000 đồng; 01 Tủ quần áo bằng gỗ giá trị 6.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất và tài sản khác chị S1 được chia là 89.841.000 đồng. Anh L phải trả tiền chênh lệch cho chị S1 cụ thể về tài sản số tiền 42.758.780 đồng và chênh lệch về diện tích đất trồng cây lâu năm là 707.200 đồng. Chị S1 phải trả tiền chênh lệch về công nợ cho anh L vì anh L đã thanh toán hết số tiền nợ cho ngân hàng số tiền chị S1 phải trả cho anh L là 25.000.000 đồng.

Đối với các tài sản hết giá trị khấu hao không có cơ sở định giá gồm 01 tủ lạnh nhãn hiệu Tosiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T, những tài sản này cần chia bằng hiện vật cho anh L và chị S1, cụ thể chia cho chị S1 gồm 01 tủ lạnh nhãn hiệu Tosiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt. Chia cho anh L 01 bộ loa và âm ly; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T.

[4]. Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị S1 đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ đủ, chị S1 tự nguyện chịu chi phí trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị S1 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đã có hồ sơ đề nghị miễn án phí sơ thẩm nên chị S1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh L phải chịu án phí về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tài sản chung: Chị Quách Thị S1 và anh Bùi Văn L có tài sản chung bao gồm: Quyền sử dụng diện tích đất ở 1446,6 m² trong đó đất ở nông thôn 1000 m² đất trồng cây lâu năm là 446,6 m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 07, đến nay nhận thừa mới tạo thành do đo đạc chỉnh lý (đo vẽ năm 2007) là thửa đất số 224, tờ bản đồ địa chính số 22, xã T, tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có giá trị là 507.592.200 đồng (1m² đất ở trị giá 500.000 đồng; 1m² đất trồng cây lâu năm trị giá 17.000 đồng); 01 Nhà cấp 4 xây tường lợp ngói có diện tích 36,52 m² giá trị 33.902.246 đồng; Phòng ngủ xây tường mái lợp Bluximang diện tích 30,16 m² có giá trị 37.568.502 đồng; Bán bình lợp tôn xốp diện tích 175,27 m² có giá trị 26.395.662 đồng; Bán bình lợp tôn thường diện tích 25,3 m² trị giá 2.694.000 đồng; Nhà bếp xây gạch không nung mái lợp Bluximang diện tích 20,4 m² có giá trị 5.357.000 đồng; Chuồng lợn 1 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 84,5 m² có giá trị 15.041.000 đồng; Chuồng lợn 2 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 42,8 m² có giá trị 12.189.000 đồng; Chuồng gà xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 17,15 m² có giá trị 3.052.700 đồng; Nhà tắm xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép diện tích 9,2 m² có giá trị 7.199.000 đồng; Bể nước xây tường 11 thể tích 4,872 m³ đã hết khấu hao có giá trị 0 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 220 cm có giá trị 30.000.000 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 160 cm có giá trị 6.500.000 đồng; 02 cây Lát chu vi vòng gốc 115 cm có giá trị mỗi cây là 3.500.000 đồng; 01 cây Lát chu vi vòng gốc 145 cm có giá trị 5.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 125 cm có giá trị 3.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 80 cm có giá trị 500.000 đồng; 01 xe máy Honda SH BKS 36 E1 – 278.13 giá trị 35.600.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát có giá trị 20.000.000 đồng; 01 chiếc giường đôi bằng gỗ trị giá 2.200.000 đồng;

01 Kệ ti vi bằng gỗ trị giá 5.500.000 đồng; 01 Tủ quần áo bằng gỗ trị giá 6.500.000 đồng; Các tài sản tính đến thời điểm định giá đã hết khấu hao không có cơ sở định giá trị gồm: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 bộ loa và âm ly; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T. Tổng giá trị tài sản chung của chị Quách Thị S1 và anh Bùi Văn L là 772.791.310 đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn ba trăm mười đồng). Chia đôi giá trị tài sản của chị S1 và anh L mỗi người được giá trị tài sản là 386.395.880 đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng).

- Chia cho anh Bùi Văn L diện tích đất 764,9 m² , trong đó có 500 m² đất ở nông thôn và 264,9 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 254.503.300 đ (Hai trăm năm mươi tư triệu năm trăm linh ba nghìn ba trăm đồng), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 217 B rộng 13,5 m; Phía Nam giáp thửa đất số 261 tờ bản đồ số 22 rộng 12,3 m; Phía Tây giáp phần đất chia cho chị Quách Thị S1 dài 67 m; Phía Đông giáp thửa đất số 262 tờ bản đồ số 22 được chia thành các đoạn có chiều dài tính từ đường Quốc lộ 217 B vào lần lượt là 15,4 m, 3,1 m, 11 m, 19,2 m, 7,6 m và 9,1m. Chia cho anh L có quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất gồm 01 Nhà cấp 4 xây tường lợp ngói có diện tích 36,52 m² giá trị 33.902.246 đồng; Phòng ngủ xây tường mái lợp Bluximang diện tích 30,16 m² có giá trị 37.568.502 đồng; Bán bình lợp tôn xộp diện tích 175,27 m² có giá trị 26.395.662 đồng; Bán bình lợp tôn thường diện tích 25,3 m² trị giá 2.694.000 đồng; Nhà bếp xây gạch không nung mái lợp Bluximang diện tích 20,4 m² có giá trị 5.357.000 đồng; Chuồng lợn 2 xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 42,8 m² có giá trị 12.189.000 đồng; Chuồng gà xây tường gạch không nung, nền bê tông mái lợp Bluximang diện tích 17,15 m² có giá trị 3.052.700 đồng; Nhà tắm xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép diện tích 9,2 m² có giá trị 7.199.000 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 220 cm có giá trị 30.000.000 đồng; 01 cây lát chu vi vòng gốc 160 cm có giá trị 6.500.000 đồng; 02 cây Lát chu vi vòng gốc 115 cm có giá trị mỗi cây là 3.500.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 125 cm có giá trị 3.000.000 đồng; 01 cây Xoan chu vi vòng gốc 80 cm có giá trị 500.000 đồng; Các tài sản hết khấu hao không có cơ sở định giá gồm Bể nước xây tường 11 thể tích 4,872 m³; 01 bộ loa và âm ly; 01 máy lọc nước; 01 máy phát điện; 01 máy ép nước mía; 02 Bình nước T. Tổng giá trị các tài sản chia cho anh L gồm quyền sử dụng đất và các tài sản là 429.861.860 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn tám trăm sáu mươi đồng). Phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất chia cho anh L thuộc “Phần diện tích phân chia số 2” trong sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho chị Quách Thị S1 diện tích đất 681,7 m², trong đó có 500 m² đất ở nông thôn và 181,7 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 253.088.900 đ (Hai trăm năm mươi ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn chín trăm đồng), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 217 B chia làm hai đoạn có chiều rộng lần lượt là 13,2 m và 3,6 m; Phía Nam giáp thửa đất số 261 tờ bản đồ số 22 rộng 8 m; Phía Đông giáp phần đất chia cho anh Bùi Văn L dài 67 m; Phía Tây giáp thửa đất số 213 tờ bản đồ số 22 được chia thành các đoạn có chiều dài tính từ đường Quốc lộ 217 B vào lần lượt là 16,8 m; 7,3 m; 5,5 m; 2,2 m; 1,8 m; 5,2 m và 37,8m. Chia cho chị Quách Thị S1 có quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất gồm 01 cây Lát có chu vi vòng gốc 145 cm trị giá 5.000.000 đồng và 01 Chuồng lợn 1 diện tích 84,5 m² trị giá 15.041.000 đồng. Các tài sản không gắn liền với đất chia cho chị S1 là 01 xe máy Honda SH BKS 36 E1 – 278.13 giá trị 35.600.000 đồng; 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ lát có giá trị 20.000.000 đồng; 01 chiếc giường đôi bằng gỗ trị giá 2.200.000 đồng; 01 Kệ ti vi bằng gỗ trị giá 5.500.000 đồng; 01 Tủ quần áo bằng gỗ trị giá 6.500.000 đồng; Các tài sản hết khấu hao không có cơ sở định giá gồm 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba; 01 Ti vi nhãn hiệu SamSung 42 inch; 01 chiếc tủ đựng bát bằng nhôm kính; 01 Bình nóng lạnh; 01 máy giặt. Tổng giá trị các tài sản gồm quyền sử dụng đất và các tài sản chia cho chị S1 là 342.929.900 đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn chín trăm đồng). Phần diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất chia cho chị S1 thuộc “Phần diện tích phân chia số 1” trong sơ đồ kèm theo bản án.

Anh Bùi Văn L phải trả cho chị Quách Thị S1 tiền chênh lệch về giá trị đất và các tài sản khác là 43.465.980 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi đồng). Chị Quách Thị S1 phải trả cho anh L số tiền 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là ½ số tiền anh L đã bỏ ra để trả cho Ngân hàng. Như vậy anh Bùi Văn L còn phải trả cho chị Quách Thị S1 số tiền là 18.465.980 đ (Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi đồng).

3. Về án phí: Chị Quách Thị S1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn L phải nộp 19.319.794 đồng (Mười chín triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Quách Thị S1 và anh Bùi Văn L. Chị S1 và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải